

Số: 111/2024/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1992

HKTT: Thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh **Hoàng Trọng K**, sinh năm 1992

HKTT/địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của chị T, anh K):

Cháu Hoàng Kim N, sinh ngày 23/5/2016, cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/6/2019.

Đều có HKTT/địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hoàng Kim N, cháu Hoàng Bảo L: Anh Hoàng Trọng K và chị Nguyễn Thị Thu T là bố, mẹ đẻ các cháu.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hoàng Trọng K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hoàng Trọng K thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh K và chị T cùng xác nhận anh, chị có 02 con chung là cháu Hoàng Kim N, sinh ngày 23/5/2016, cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 03/6/2019. Anh K, chị T thỏa thuận giao cả 02 cháu cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N, cháu Lâm thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K, chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức:** Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BTLU/23/0001388 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí, trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện